

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU
INVITATION TO TENDER DOCUMENTS

Tên gói thầu: Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến
Tender package: *Maintenance dredging the water area in front of berth*

Dự án: Nạo vét duy tu khu nước trước Bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân
Project: *Maintenance dredging the water area in front of Berths # 2,3,4 – Cai Lan Port*

Bên mời thầu: Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân
Tender Issuer: *Cai Lan International Container Terminal LLC*

Tư vấn lập HSMT: Công ty cổ phần thương mại, đầu tư và xây dựng Văn Lang
Consultant:

Năm 2024

HỒ SƠ MỜI THẦU

INVITATION TO TENDER DOCUMENTS

Tên gói thầu: Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến
Tender package: Maintenance dredging the water area in front of berths
Dự án: Nạo vét duy tu khu nước trước Bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân
Project: Maintenance dredging the water area in front of Berths # 2,3,4 – Cai Lan Port
Phát hành ngày: 23/12/2024
Issuance date:

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN LẬP HSMT
CONSULTANT REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thế Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
TENDER ISSUER



TỔNG GIÁM ĐỐC
Frank Van Boompae

TỪ NGỮ VIẾT TẮT/ ABBREVIATIONS

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng/ <i>General conditions of the contract</i>
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng/ <i>Specific conditions of the contract</i>
HSDT	Hồ sơ dự thầu/ <i>Bidding documents</i>
HSMT	Hồ sơ mời thầu/ <i>Invitation to tender</i>
Luật Đấu thầu/ <i>Law on Bidding</i>	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15/ <i>Law No. 22/2023/QH15 on Bidding</i>
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP/ <i>Decree No. 24/2024/ND-CP</i>	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu/ <i>Decree No. 24/2024/ND-CP dated February 27, 2024 of the Government stipulating in detail some articles and measures for implementing the Law on Bidding on contractor selection.</i>
VND	Đồng Việt Nam/ <i>Vietnam dong</i> s

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Part 1. PROCEDURE FOR CONTRACTOR SELECTION
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
Chapter I. INSTRUCTIONS FOR CONTRACTORS

Mục 1. Phạm vi gói thầu/ Section 1. Scope of the tender package

1. Bên mời thầu: Công ty TNHH cảng Công ten nơ quốc tế Cái Lân mời nhà thầu nhận HSMT gói thầu Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến thuộc công trình Nạo vét duy tu khu nước trước Bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân.

Procuring entity- Cai Lan International Container Terminal LLC would like to invite contractors to participate in the tender package: Dredging construction the water area in front of berths # 2,3,4 – Cai Lan Port

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH cảng Công ten nơ quốc tế Cái Lân.

Source of capital: Operating capital of Cai Lan International Container Terminal LLC

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: **03 tháng**, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình. Thời gian này bao gồm thời gian tìm và thỏa thuận vị trí chứa vật liệu nạo vét.

The duration for the execution of the tender package is 03 months, starting from the effective date of the contract until the completion acceptance of the project. This period includes the time for obtaining permits for dumping place for the dredged materials.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu/ Section 2. Prohibited acts in bidding

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu./ *Prohibited acts in bidding are those specified in Article 16 of the Law on Bidding.*

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu/ Section 3. Eligibility of contractors

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu./ *A contractor is considered a legitimate organization when it meets the requirements specified in points a, b, c, d, e, g, and i, Clause 1, Article 5 of the Law on Bidding.*

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu./ *A contractor who is a business household is considered legitimate when it meets the*

requirements specified in points a, b, Clause 2, and points d, e, Clause 1, Article 5 of Law on Bidding.

Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác./ *A contractor who is an organization or a business household is not required to comply with the competition guarantee regulations under point đ, Clause 1, Article 5 of the Law on Bidding, unless related laws stipulate that the contractor participating in the bidding or executing the contract must be independent from other organizations or individuals.*

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSMT, khảo sát hiện trường/ Section 4. Clarification, Amendment of Bidding Documents, Site Survey

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSMT thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. / *If a contractor needs clarification of the bidding documents, they must send a written request to the Procuring entity before the deadline for bid submission.*

2. Trường hợp chủ đầu tư sửa đổi HSMT, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến nhà thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT. / *In case the owner amends the bidding documents, the Procuring entity is responsible for sending the amendment decision and the amended contents to the contractors. The amendment must be sent to the contractors at least 03 working days before the bid submission deadline. If the time for sending the amendment does not meet this requirement, the Procuring entity must extend the bid submission deadline accordingly to ensure compliance with the amendment notification period.*

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDT. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu. / *Contractors are allowed to conduct a site survey for the purpose of preparing their bids. Contractors must bear all costs and risks that may arise during the site survey. Contractors should contact the Procuring entity in advance to arrange access to the site as required.*

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu/ Section 5. Costs, Currency, and Language in Bidding

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

The contractor shall bear all costs related to the bidding process. 2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

The currency for bidding and payment is VND (Vietnamese Dong).

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

All documents and materials exchanged between the Procuring entity and the contractor related to the bidding process must be written in Vietnamese. Supporting documents and materials in the bid may be written in another language, accompanied by a Vietnamese translation. If the translation is missing, the Procuring entity may request the contractor to provide it, if necessary.

Mục 6. Thành phần của HSDT/ Section 6. Components of the Bidding document

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm/ *The bidding document prepared by the contractor must include:*

1. Đơn tham dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;/ *The bid submission form according to Form No. 01, Chapter III;*

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;/ *A joint venture agreement if the bidder is a joint venture, according to Form No. 03, Chapter III;*

3. Bảo đảm dự thầu theo quy định/ *Bid security as required;*

4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;/ *Documents proving the contractor's eligibility, capacity, and experience, as well as the qualifications of the person signing the bid;*

5. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;/ *The technical proposal as required in Section 8 of this Chapter;*

6. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04 Chương III; / *The price proposal according to Form No. 04, Chapter III;*

7. Các nội dung khác: __ *[Nêu các nội dung khác tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu]./ Other contents: __ [List any additional contents depending on the nature and requirements of the tender package].*

Mục 7. Giá dự thầu/ Section 7. Bid price

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự tham dự thầu bao gồm toàn bộ

các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

The bid price stated by the contractor in the bid submission includes all costs (excluding discounts) for performing the contract package as required by the Bidding Documents, including taxes, fees, and charges (if any), based on the applicable tax rates, fee levels, and charges as of the date 28 days before the bid closing date.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

The contractor must submit a Bidding document for all tasks described in Chapter IV and provide pricing for all tasks listed in the corresponding price table specified in Chapter III, including unit prices (if any) and the total amount.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật/ Section 8. Technical proposal components

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc./ *The contractor must submit a technical proposal that clearly describes the method for performing the tasks, the equipment, personnel, implementation schedule, and other necessary information as required in Chapter IV. This is to demonstrate the suitability of the proposal in meeting the work requirements and the deadlines for completion.*

Mục 9. Hiệu lực của HSDT/ Section 9. Validity of the Bidding document

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải bảo đảm theo yêu cầu là **90 ngày** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu./ *The validity period of the Bidding document must meet the requirement of 90 days from the bid closing date.*

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản./ *If necessary, before the expiration of the Bidding document's validity, the Procuring entity may request the contractor to extend the validity period. The request and acceptance of the extension must be documented in writing.*

Mục 10. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT/ Section 10. Format of the Bidding document and signatures in the Bidding document

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và **02** bản chụp HSDT, ghi rõ "bản

gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDT. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá./ *The contractor must prepare one original and two copies of the Bidding document, clearly marked "original" and "copy" accordingly. The contractor must also specify the name of the contract package, the contractor's name, and the name of the Procuring entity on the outside of the bid submission envelope. The contractor is responsible for the accuracy and consistency between the copies and the original. In case of any discrepancies between the original and the copies, the original will be used for evaluation.*

2. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh./ *All components of the Bidding document listed in Section 6, Chapter I must be signed by the legal representative of the contractor. In the case of a joint venture contractor, the Bidding document must be signed by the legal representative of all joint venture members or by the designated representative of the joint venture members as specified in the joint venture agreement.*

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu./ *Any words added, inserted in between lines, or any words that are erased or overwritten will only be considered valid if signed by the person who signed the bid next to or on the same page where such changes occur.*

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu/ Section 11. Bid submission deadline and Bid opening

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 14 giờ, ngày 07 tháng 01 năm 2025. / *The Bidding document must be submitted by the contractor either directly or sent to the Procuring entity's address, ensuring that the Procuring entity receives it before the bid submission deadline: 14h, on 07th January 2025.*

2. Mở thầu/ Bid opening:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu HSDT nhận được trước thời điểm đóng thầu vào lúc 15h ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân. . Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự

chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự/ *The Tender Issuer will publicly open the bids received before the bid closing time at 15h on 07th January 2025 at the headquarters of Cai Lan International Container Terminal LLC. The bid opening will proceed for each bidding document in alphabetical order of the contractors' names and follow these steps:*

a) Kiểm tra niêm phong/ *Seal inspection;*

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu/ *Opening the documents and announcing the information of the contractors:*

- Tham dự độc lập hay liên danh/ *Whether participating independently or in a joint venture;*

- Số lượng bản gốc, bản chụp/ *Number of original and copy documents;*

- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu/ *Bid price stated in the bid;*

- Giá trị giảm giá (nếu có)/ *Discount value (if applicable);*

- Thời gian có hiệu lực của HSDT/ *Bid validity period;*

- Thời gian thực hiện gói thầu/ *Proposed contract implementation time;*

- Các thông tin khác liên quan/ *Other relevant information.*

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này./ *The bid opening minutes will include the information stated in points a and b of this section.*

Mục 12. Nhà thầu phụ/ Section 12. Subcontractors

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 10a Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận. / *In cases where the contractor needs to use subcontractors, they must provide a list of subcontractors in accordance with Form 10a in Chapter III. The use of subcontractors does not alter the contractor's responsibilities. The contractor is responsible for the volume, quality, progress, and other obligations related to the work performed by the subcontractor. The substitution or addition of subcontractors not listed in the original declaration can only occur for valid, reasonable reasons and with the approval of the owner.*

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá **20%** giá dự thầu của nhà thầu./ *The contractor may only use subcontractors for tasks where the total value assigned to the subcontractor does not exceed 20% of the contractor's bid price.*

Mục 13. Đánh giá HSDT và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu/
Section 13. Evaluation of Bidding document and negotiation of contractor proposals

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II./ *The evaluation of Bidding documents will be conducted in accordance with the provisions specified in Chapter II.*

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDT để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có)./ *During the evaluation process, the Procuring entity may invite the contractor for negotiations (if applicable) to clarify or amend the content of the Bidding document in order to demonstrate compliance with the requirements regarding capacity, experience, schedule, volume, quality, technical solutions, and organizational measures for implementing the contract package. Contract negotiations will also include discussions on necessary aspects of the contractor's financial proposal, including correcting errors and adjusting discrepancies (if any).*

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu/ Section 14. Conditions for the contractor to be recommended for award

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây/ *The contractor will be recommended for award when meeting all of the following conditions:*

1. Có HSDT hợp lệ/ *The bidding document is valid;*
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT/ *The contractor has the capacity, experience, and technical proposal that meets the requirements of the bidding documents;*
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu/ *The discrepancy in the bid price does not exceed 10% of the original bid price;*
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt dự toán gói thầu được duyệt./ *The recommended bid price (after corrections, adjustments for discrepancies, and any discount applied) does not exceed the approved project budget.*

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu/ Section 15. Notification of contractor selection result

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được

phê duyệt, chủ đầu tư công bố thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu./ *Within 5 working days from the date the contractor selection results are approved, the owner will publicly announce the results of the contractor selection. At the same time, the owner will send a written notification of the selection results, along with the draft contract and the contract finalization plan, to the successful contractor.*

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng/ Section 16. Conditions for contract signing

1. Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực/ *At the time of signing, the Bidding document of the selected contractor must remain valid.*

2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu./ *At the time of signing, the selected contractor must ensure that they meet the required technical and financial capabilities to carry out the contract package in accordance with the requirements of the tender documents.*

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ./ *The owner must ensure that the necessary conditions, including advance payment funds, payment funds, project site, and other essential conditions, are in place to implement the contract package according to the approved schedule.*

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng/ Section 17. Performance guarantee

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được đề nghị trúng thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSMT này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được chủ đầu tư chấp thuận./ *Before the contract takes effect, the bidder proposed for contract award must provide a performance guarantee in accordance with the requirements of the bidding documents. If the bidder opts to use a performance guarantee letter, it must either use the template provided in these bidding documents or another format approved by the owner.*

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây/ *The performance guarantee shall not be refunded to the contractor in the following cases:*

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực/ *Refusal to*

perform the contract after it has taken effect;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng/ *Violation of the terms agreed upon in the contract;*

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng./ *Delay in contract performance due to the contractor's fault and refusal to extend the validity of the performance guarantee.*

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

CHAPTER II. EVALUATION CRITERIA FOR BIDDING DOCUMENTS

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT/ Section 1. Evaluation of the validity of the bidding documents

1.1. Kiểm tra HSDT/ Verification of bidding documents

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDT/ *Verify the number of copies of the bidding documents submitted;*

b) Kiểm tra các thành phần của HSDT theo quy định tại Mục 6 Chương I/ *Check the components of the bidding documents as specified in Section 6, Chapter I;*

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT./ *Ensure consistency between the original and the copies of the bidding documents to facilitate the detailed evaluation process.*

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT/ Evaluation of the validity of the bidding documents

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây/ *The bidding documents will be considered valid if they meet all the following requirements:*

a) Có bản gốc HSDT/ *The original bidding document is provided;*

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;/ *Provide a bid submission letter signed and stamped (if applicable) by the legal representative of the bidder in accordance with the requirements of the Bidding Documents (BD). The bid submission letter must be dated after the issuance of the BD, must not propose different bidding prices, or include conditions unfavorable to the investor. For joint venture bidders, the bid submission letter must be signed and stamped (if applicable) by the legal representative of each joint venture member or by the member authorized to represent the joint venture, as assigned in the joint venture agreement;*

c) Hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I/ *The validity of the bidding document meets the requirements specified in Section 9, Chapter I;*

d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b hoặc Mẫu số 04c hoặc Mẫu số 04d Chương III)/ *There is a joint venture agreement (in the case of a joint venture) signed and stamped (if applicable) by the legal representative of each joint venture member. The joint venture agreement must clearly specify the specific scope of work and estimated corresponding value to be performed by each joint venture member. The division of work in the joint venture must be based on the items listed in the bid price table or the production processes related to those items, and must not include work outside of these items or unrelated to the production processes (as per Template No. 04a, 04b, 04c, or 04d in Chapter III);*

đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I/ *The bidder satisfies the eligibility requirements specified in Section 3, Chapter I*

e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu./ *Within the 3 years preceding the bid closing date, the bidder has not employed personnel (under labor contracts with the bidder at the time of the violation) who were convicted by a court of violations related to bidding regulations causing serious consequences under criminal law, aimed at securing the award of the bid for that bidder*

f) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có)/ *The bidder meets the necessary qualifications for operation as required by relevant specialized laws (if applicable):*

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực hoạt động chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, bao gồm: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thi công xây dựng công trình giao thông thuộc lĩnh vực hàng hải còn hiệu lực tối thiểu đến hết ngày 31/12/2024/ *The bidder must provide documents*

proving compliance with the operational qualification requirements specified in Decree No. 15/2021/NĐ-CP, dated March 3, 2021, including a valid Certificate of Construction Operation Capability for maritime-related traffic construction works, which must remain valid at least until December 31, 2024..

Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải thỏa mãn yêu cầu này/ *For joint venture bidders, each member of the joint venture must meet this requirement.*

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm/ Section 2. Criteria for evaluation of financial capacity and experience

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:/ 2.1. Criteria for evaluating financial capacity and experience

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm/ *The evaluation criteria for financial capacity and experience are implemented in accordance with Table No. 01 of this chapter. A bidder is considered to meet the requirements for financial capacity and experience if all evaluation criteria are satisfied. The financial capacity and experience of subcontractors (except for special subcontractors) will not be considered during the evaluation of the bidder's bidding document. The bidder itself must meet the criteria for financial capacity and experience.*

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của [ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam] tại ngày ký hợp đồng tương tự đó/ *In cases where the currency stated in similar contracts, payment confirmations by the owner for completed construction contracts, tax declarations, or other relevant documents proving the bidder's capacity and experience is not in VND, the bidder must convert the currency into VND when preparing the BSD to serve as the basis for evaluation. The conversion rate shall be based on the [state the basis for determining the exchange rate, usually the selling exchange rate of a commercial bank operating in Vietnam] as of the date the similar contract was signed.*

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động

công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phân công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10c Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu/ *In cases where the bidder is a parent company (e.g., a Corporation) that mobilizes its subsidiaries to perform part of the work under the package, the bidder must specifically declare the portion of work assigned to the subsidiaries using Template No. 10c, Chapter III. The evaluation of experience in executing similar contracts will be based on the value and volume of work undertaken by the parent company and its subsidiaries within the package.*

Below is the Evaluation Criteria Table for Competence and Experience in Vietnamese (for evaluation by the consultant)

Bảng số 01**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09a

		(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)				
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 4 tỷ ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09a
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁷⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 1,2 tỷ ⁽⁸⁾VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị: Tối thiểu 1,2 tỷ VND (ghi giá trị); - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày... tháng...năm... - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09b, 09c

4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽¹⁰⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽¹¹⁾ tối thiểu N= 02 công trình nạo vét khu nước trước bến hoặc luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa ⁽¹²⁾ trong đó ít nhất một công trình có giá trị là 2 tỷ đồng ⁽¹³⁾ và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq$ 4 tỷ đồng, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ..	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06
---	--	---	---------------------------	---------------------------	---	-----------

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là

không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (*Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023*). Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại. Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng có doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng thì nhà thầu phải đính kèm bản cam kết cung cấp tín dụng trong HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $t \times (\text{Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)})$.

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $30\% \times \text{Giá gói thầu}$.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét. Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị công việc xây lắp của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất. Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m^2 , có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m^2 , có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m^2

Trong HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là $50\% \times (X) \text{ VND}$ ” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2 (công trình cấp III), hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật/ *Criteria for evaluating technical capacity*

a) Nhân sự chủ chốt/ *Key personnel:*

Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP./ *Key personnel may either be part of the contractor's permanent staff or mobilized by the contractor. If the key personnel declared in the bid do not meet the requirements or the contractor fails to demonstrate the ability to mobilize the personnel (including cases where the personnel are already engaged in other contracts with overlapping work periods), the Procuring Entity will allow the contractor to supplement or replace the personnel. If the contractor cannot provide replacement personnel that meet the requirements of the bidding documents, the contractor will be disqualified. In all cases, if the contractor provides false declarations regarding personnel, no replacement will be allowed, the bid will be rejected, and the contractor will be deemed to have committed fraud under Clause 4, Article 16 of the Law on Bidding. The contractor will be subject to penalties as stipulated in Point a, Clause 1, Article 125 of Decree No. 24/2024/ND-CP.*

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07a, 07b và 07c Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây/ *Experience in similar work is demonstrated through the minimum number of years key personnel have performed similar tasks or the minimum number of contracts in similar work. The years of experience of key personnel are calculated from the time they began performing such similar work until the bid closing date. The bidder must provide detailed information about the proposed key personnel using Forms No. 07a, 07b,*

and 07c in Chapter III to demonstrate that it has sufficient personnel for the key positions meeting the following requirements

[Below is the Requirements for key personnel in Vietnamese (for evaluation by the Consultant)] :

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Chỉ huy trưởng <i>(Nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm: Hợp đồng và một trong các tài liệu như: Biên bản nghiệm thu; xác nhận của Chủ đầu tư; hoặc các tài liệu liên quan khác chứng minh quy mô, tính chất và vị trí đảm nhận của nhân sự đề xuất)</i>	01	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng	- Trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: công trình thủy; công trình hàng hải, cảng đường thủy hoặc công trình thủy lợi, kỹ thuật xây dựng công trình, ... - Có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình giao thông /thủy lợi hạng I trở lên còn hiệu lực hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường ít nhất 01 công trình thuộc lĩnh vực công trình giao thông/thủy lợi; - Đã là chỉ huy trưởng ít nhất 01 công trình/Hợp đồng về nạo vét (luồng đường thủy, hàng hải) có giá trị tối thiểu $\geq 4.000.000.000$ đồng
2	Cán bộ quản lý chất lượng	01	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: công trình thủy; công trình hàng hải, cảng đường thủy hoặc công trình thủy lợi. - Có chứng chỉ hành nghề Tư vấn giám sát thi công công trình giao thông/thủy lợi hạng III trở lên còn hiệu lực hoặc đã làm cán bộ quản lý

				chất lượng 02 công trình thuộc lĩnh vực công trình giao thông (hàng hải, đường thủy nội địa.)
3	Cán bộ kỹ thuật thi công	01	Tối thiểu 01 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: công trình thủy; công trình hàng hải, cảng đường thủy hoặc công trình thủy lợi.
4	Cán bộ trắc địa	01	Tối thiểu 01 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Trắc địa, địa chính
5	Cán bộ phụ trách an toàn, vệ sinh lao động	01	Tối thiểu 01 năm hoặc 01 hợp đồng	- Có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành: thuộc khối kỹ thuật/bảo hộ lao động/chuyên ngành có liên quan lĩnh vực an toàn lao động trong xây dựng và thời gian công tác (tính từ thời điểm tốt nghiệp) ít nhất 01 năm đối với trình độ cao đẳng, 03 năm đối với trình độ trung cấp. - Có chứng chỉ/chứng nhận huấn luyện ATLĐ, VSLĐ còn hiệu lực. - Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình hoặc làm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về an toàn lao động trên công trường xây dựng ít nhất 01 (một) công trình có hạng mục thi công nạo vét (sông hoặc kênh hoặc rạch hoặc luồng).

Nhà thầu phải cung cấp bản chụp được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ, hợp đồng lao động hoặc thuê nhân sự để chứng minh./ *The bidder must provide certified copies of degrees, certificates, labor contracts, or personnel hire agreements as evidence.*

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu/
Main construction equipment expected to be mobilized for the implementation

of the contract package

Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP./ *The key construction equipment may either belong to the contractor or be mobilized by the contractor. If the key equipment declared in the bid does not meet the requirements or the contractor fails to demonstrate the ability to mobilize the equipment (including cases where the equipment is already committed to other contracts with overlapping work periods), the Procuring Entity will allow the contractor to supplement or replace the equipment. If the contractor cannot provide replacement equipment that meets the requirements of the bidding documents, the contractor will be disqualified. In all cases, if the contractor provides false declarations regarding equipment, no replacement will be allowed, the bid will be rejected, and the contractor will be deemed to have committed fraud under Clause 4, Article 16 of the Law on Bidding. The contractor will be subject to penalties as stipulated in Point a, Clause 1, Article 125 of Decree No. 24/2024/ND-CP.*

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07d Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây/ *The bidder must provide detailed information about the proposed key construction equipment using Form No. 07d in Chapter III to demonstrate that it has sufficient equipment meeting the following requirements:*

[Below is the Requirements for main construction equipment in Vietnamese (for evaluation by the Consultant)] :

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Tàu hút bùn; Công suất ≥ 585 CV. <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê</i>	01

2	Máy đào gàu dây; Dung tích gàu $\geq 2,3$ m ³ (bao gồm sà lan/ponton đặt máy phù hợp) hoặc tàu đặt cầu/Xáng cạp có sức nâng $\geq 4T$ <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê</i>	01
3	Xà lan; Trọng tải $\geq 400T$ <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê</i>	03
4	Tàu kéo; Công suất $\geq 360CV$. Trường hợp nhà thầu sử dụng xà lan tự hành tại mục 3 « Xà lan; Trọng tải $\geq 400T$ » đáp ứng yêu cầu về trọng tải thì không cần huy động thiết bị tàu kéo tại mục này. <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê</i>	03
5	Máy đào; Dung tích gàu $\geq 1,25$ m ³ <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê</i>	01
6	Máy đo sâu hồi âm; <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.</i>	01
7	Máy toàn đạc điện tử; <i>Kèm theo đăng ký và đăng kiểm/kiểm định thiết bị còn hiệu lực; Tài liệu chứng minh sở hữu: Hợp đồng/hóa đơn mua bán/tài liệu pháp lý khác. Trường hợp đi thuê phải có hợp đồng thuê máy kèm theo tài liệu chứng minh quyền sở hữu của bên cho thuê.</i>	01

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác./ *In the event the contractor wins the bid and signs the contract, they are obligated to mobilize the key personnel and key construction*

equipment as initially proposed or as amended in accordance with the provisions of this section. Failure to mobilize the key personnel or key equipment will result in contractual penalties and negatively impact the contractor's credibility in future bidding opportunities.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)/ *Special subcontractor (if any):*

Không áp dụng/ *Not applicable.*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật/ *Section 3. Technical evaluation criteria*

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. / *The evaluation criteria will follow a pass/fail approach to establish the technical evaluation standards For general evaluation criteria, only pass/fail will be applied. For detailed criteria that are fundamental within the general criteria, only pass/fail will be used. For non-fundamental detailed criteria within the general criteria, besides pass/fail, an "acceptable" criterion may also be applied, but it should not exceed 30% of the total number of detailed criteria in that general category.* Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. / *A general criterion is considered passed when all fundamental detailed criteria are passed, and the non-fundamental detailed criteria are either passed or considered acceptable.*

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương IV. / *The technical evaluation standards are based on the contents specified in Chapter IV.*

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong HSDT, kể cả trường hợp HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. HSDT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng. / *The contractor may attach a construction activity capacity certificate or choose not to include it in the bidding*

document, even if the invitation to tender requires the contractor to have such a certificate. The absence of the construction activity capacity certificate in the bid submission is not a reason for disqualifying the contractor. The bid will still be considered, evaluated, and may be approved for award. In the case of winning the bid, the contractor must present the construction activity capacity certificate before the contract is signed.

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
I	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công/ <i>Technical solution, construction organization measures</i>		
1	Địa điểm, vị trí đổ chất nạo vét của nhà thầu/ <i>Dumping place proposed by the contractor:</i>		Nhà thầu có thể lựa chọn 1 trong các vị trí đã được UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị (Theo công văn số 721/QĐ-UBND ngày 21/3/2023), hoặc Nhà thầu tự chọn bãi đổ hợp pháp khác do chính nhà thầu bố trí./ <i>The contractor may choose one of the locations proposed by the People's Committee of Quảng Ninh Province (according to Official Letter No. 721/QĐ-UBND dated March 21, 2023), or the contractor may independently select</i>
	☐ Vị trí đổ vật chất nạo vét là bãi đổ san lấp phải được Chính quyền, địa phương phê duyệt đúng qui định/ <i>The dumping place is the filling area approved by the local authorities in accordance with the relevant regulations</i>		
	☐ Có trình bày Phương án kỹ thuật hợp lý, khả thi vị trí đổ chất nạo vét./ <i>Present a reasonable and feasible technical plan for the location of dredged material disposal.</i>		
	☐ Có đề xuất cụ thể, chi tiết khu vực bãi chứa vật chất nạo vét (vị trí kích thước hình học,...) bãi chứa đảm bảo dung tích chứa được toàn bộ vật chất nạo vét từ dự án./ <i>Provide a specific and detailed proposal for the dredged material disposal area, including the location, dimensions, and geometry of the site. The proposed disposal area must ensure sufficient capacity to accommodate all the dredged materials from the project.</i>		

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	(Ghi chú: Khi được xếp hạng nhất, tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải nộp kèm theo Biên bản thỏa thuận Phương án thi công đê bao bãi chứa, hồ chứa phù hợp và được chấp thuận của Chủ bãi chứa, nếu không có nhà thầu bị đánh giá là không đạt. Yêu cầu nhà thầu có cam kết hoặc thuyết minh trong biện pháp tổ chức thi công để làm cơ sở xét thầu)/ <i>(Note: When ranked first, at the time of contract signing, the contractor must submit a signed agreement for the construction plan of the embankment and the suitable disposal or storage pond, which must be approved by the owner of the disposal site. If this is not provided, the contractor will be considered non-compliant. The contractor is required to provide a commitment or explanation in the construction organization plan as a basis for bid evaluation.)</i>		<i>another legal and suitable disposal site arranged by the contractor.</i>
-	Có đề xuất vị trí đổ vật chất nạo vét khả thi. Có đủ Phương án kỹ thuật, đề xuất bãi chứa chi tiết & Tại thời điểm ký kết hợp đồng có Biên bản thỏa thuận Phương án thi công đê bao bãi chứa, hồ chứa phù hợp./ <i>A feasible proposal for the dredged material disposal site is provided, including a detailed technical plan and site selection. At the time of contract signing, a signed agreement for the construction plan of the embankment and the appropriate disposal or storage pond must be submitted, ensuring compliance with the required standards.</i>	Đạt <i>Pass</i>	

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
-	Không có đề xuất vị trí đổ vật chất nạo vét. Hoặc không có đủ Phương án kỹ thuật, đề xuất bãi chứa hoặc không hợp lệ. Hoặc tại thời điểm thương thảo hợp đồng không có Biên bản thỏa thuận Phương án thi công đề bao bãi chứa, hồ chứa phù hợp./ <i>There is no proposal for the dredged material disposal site, or the technical plan and disposal site proposal are incomplete or invalid. Alternatively, at the time of contract negotiation, there is no signed agreement for the construction plan of the embankment and the appropriate disposal or storage pond.</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
2	Biện pháp tổ chức thi công/ <i>Construction organization plan</i>		
	Biện pháp thi công nạo vét trong điều kiện vẫn đảm bảo khai thác bến cảng, Ụ tàu (bao gồm các công tác chính như: điều tiết giao thông; thi công nạo vét; vận chuyển vật chất nạo vét; đo đạc kiểm tra/nghiệm thu./ <i>Dredging construction methods under conditions that still ensure the operation of the port and the ship's berth (including key tasks such as: traffic management; dredging operations; transportation of dredged materials; surveying, inspection, and acceptance testing).</i>	-	
-	Có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, khả thi/ <i>Provide a construction organization plan that ensures technical feasibility, quality, and practicality.</i>	Đạt <i>Pass</i>	
-	Không có biện pháp tổ chức thi công khả thi/ <i>No feasible construction organization plan</i>	Không đạt <i>Fail</i>	

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3	Bố trí mặt bằng thi công/ <i>Construction site layout:</i>		
	Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất tiến độ/ <i>Provide complete, feasible drawing that is suitable for the proposed schedule</i>	Đạt <i>Pass</i>	
	Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc bản vẽ bố trí thi công không khả thi, không phù hợp với đề xuất tiến độ./ <i>No complete drawing, or the construction layout drawing is not feasible and does not align with the proposed schedule.</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
4	Biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn giao thông/ <i>Measures to ensure maritime safety and traffic safety</i>		
-	Đề xuất đầy đủ, hợp lý các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải, an toàn giao thông/ <i>A complete and reasonable proposal for ensuring maritime safety and traffic safety provided.</i>	Đạt <i>Pass</i>	
-	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp/ <i>No proposal or the proposal is not suitable</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
5	Biện pháp đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường và PCCC/ <i>Measures to ensure environmental sanitation and fire prevention and fighting</i>		
-	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường và PCCC chi tiết, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công/ <i>Provide detailed, reasonable, and feasible measures to ensure environmental sanitation and fire prevention and fighting, in line with the proposed construction organization methods.</i>	Đạt <i>Pass</i>	

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
-	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường và PCCC hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tuy nhiên còn thiếu chi tiết/ <i>Provide reasonable and feasible measures to ensure environmental sanitation and fire prevention and fighting, in line with the proposed construction organization methods, but they lack details.</i>	Chấp nhận được <i>Acceptable</i>	
-	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp/ <i>No proposal or the proposal is not suitable</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
6	Biện pháp an toàn lao động/ <i>Labor safety measures</i>		
	Biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công/ <i>Reasonable and feasible labor safety measures and traffic safety measures, in line with the proposed construction organization methods.</i>		
	Thiết lập trạm cảnh giới an toàn hàng hải và biện pháp giải phòng mặt bằng đảm bảo an toàn hành hải cho tàu vào/ra cảng./ <i>Establishing maritime safety observation stations and measures to ensure maritime safety for vessels entering and leaving the port.</i>		
-	Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và biện pháp cảnh giới, giải phóng mặt bằng phù hợp/ <i>Provide measures to ensure labor safety and appropriate measures for boundary marking and site clearance.</i>	Đạt <i>Pass</i>	

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
-	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp/ <i>No proposal or the proposal is not suitable</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
II	Bảo đảm chất lượng thi công công trình/ <i>Ensuring the quality of construction works</i>		
	☐ Biện pháp đảm bảo chất lượng đầy đủ, phù hợp với các quy định hiện hành (kiểm tra độ sâu nạo vét trong quá trình thi công - nhà thầu tự kiểm tra hoặc thuê đơn vị có đủ năng lực), KCS của nhà thầu, quản lý chất lượng công tác nạo vét, quản lý hồ sơ chất lượng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành...)/ <i>The measures to ensure quality are complete and in accordance with current regulations (e.g., checking dredging depth during construction – the contractor conducts self-checks or hires a qualified unit), contractor’s quality control system (KCS), quality management of dredging work, and management of quality records according to current standards and regulations.</i> ☐ Quy trình nghiệm thu, tiêu chuẩn áp dụng khi kiểm tra nghiệm thu: có thuyết minh chi tiết qui trình nghiệm thu cùng với các tiêu chuẩn áp dụng khi kiểm tra nghiệm thu theo qui định hiện hành./ <i>The acceptance testing procedure and applicable standards during the inspection: A detailed explanation of the acceptance testing process is provided, along with the standards to be applied during the inspection according to current regulations.</i>		

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
-	Có biện pháp đảm bảo chất lượng và có qui trình nghiệm thu phù hợp./ <i>Provide measures to ensure quality and an appropriate acceptance testing procedure.</i>	Đạt <i>Pass</i>	
-	Không có biện pháp đảm bảo chất lượng, hoặc không có qui trình nghiệm thu phù hợp./ <i>There are no quality assurance measures, or there is no appropriate acceptance testing procedure.</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
III	Tiến độ thi công/ <i>Construction progress</i>		
-	Thời gian thi công ≤ 03 tháng, có dự phòng đến điều kiện thời tiết / <i>The construction period is ≤ 03 months, with provisions made for weather conditions.</i>	Đạt <i>Pass</i>	
-	Thời gian thi công > 03 tháng, không dự phòng đến điều kiện thời tiết/ <i>The construction period is > 03 months, with no provisions for weather conditions.</i>	Không đạt <i>Fail</i>	
IV	Uy tín của Nhà thầu/ <i>Reputation of the contractor</i>		
	Uy tín của Nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, thực hiện các hợp đồng tương tự với Chủ đầu tư kể từ thời điểm 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu (Nhà thầu tự kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung đã kê khai)/ <i>The reputation of the contractor is assessed based on their participation in tenders and the execution of similar contracts with the investor from January 1, 2021, up to the bid closing date. (The contractor is responsible for the accuracy of the information provided.)</i>		
-	Nhà thầu có kê khai và không vi phạm/ <i>The contractor has declared the information and has not violated any regulations.</i>	Đạt <i>Pass</i>	

TT\ Seq	Các chỉ tiêu đánh giá <i>Evaluation criteria</i>	Mức độ đáp ứng <i>Level of compliance</i>	Ghi chú <i>Note</i>
-	Nhà thầu không kê khai hoặc có kê khai nhưng đã từng vi phạm/ <i>The contractor has not declared the information or has declared it but has previously violated regulations.</i>	Không đạt <i>Fail</i>	

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt./ *The biddin document is considered to meet the technical requirements when all the general criteria are assessed as "pass."*

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính/ Section 4. Financial evaluation criteria:

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất/ Method for evaluating price: Lowest price method

Bước 1. Xác định giá dự thầu/ *Step 1: Determine the bid price.;*

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa/ *Step 2: Adjust for any excessive discrepancies.;*

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)/ *Step 3: Determine the bid price after adjusting for discrepancies (if any), subtracting any discounts (if applicable).;*

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định Luật đấu thầu/ *Step 4: Determine any advantages (if applicable) according to the provisions of the Law on Bidding.*

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất/ *Step 5: Rank the contractors: The bidding document with the lowest price after adjusting for discrepancies (if any), subtracting any discounts (if applicable), and accounting for any advantages (if applicable) will be ranked first.*

Lưu ý:

Hiện tại chưa có Thông tư, văn bản của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024(NĐ72) trong việc lập, phê duyệt TMĐT, DT, TDT, giá gói thầu, giá dự thầu và giá hợp đồng. Trong khi Nghị định số 72/2024/NĐ-CP chỉ quy định áp dụng khi lập hóa đơn GTGT. Do đó giá gói thầu này đang được Công ty TNHH cảng công ten nơ quốc tế Cái Lân tạm thời áp dụng mức thuế GTGT là 8%. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói

thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế GTGT là 8% làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng giá), thương thảo ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ căn cứ thực tế thực hiện và theo các chế độ chính sách mới được ban hành, hai bên điều chỉnh mức thuế GTGT theo quy định.

***Note:** Currently, there is no circular or document from the relevant state authority guiding the application of Decree No. 72/2024/ND-CP dated June 30, 2024 (Decree 72) in the preparation and approval of the procurement price, tender price, and contract price. The Decree only specifies its application for VAT invoices. Therefore, Cai Lan International Container Terminal LLC is temporarily applying a VAT rate of 8% for this tender. Contractors participating in this tender are requested to submit bids using an 8% VAT rate as a basis for bid evaluation and contract negotiations. During contract execution, both parties will adjust the VAT rate based on the actual implementation and in accordance with new regulations and policies issued.*

[Below is the form of bidding documents in Vietnamese required]

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ ngày/tháng *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMT.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là __ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của __ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại __ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho __ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu __ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc __ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do __ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được đề nghị trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của __ *[Ghi tên nhà thầu]*. __ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do __ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu*]Thuộc: ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]- Căn cứ ____ [*Luật Đấu thầu*]⁽²⁾;- Căn cứ ____ ⁽²⁾;- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] ngày ____ tháng _____ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSMT*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác _____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ³:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁴:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được đề nghị trúng thầu thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(4)*(5)
I	Nạo vét và vận chuyển				
1	Nạo vét dưới nước bằng máy đào gầu dây 2,3m ³ , chiều sâu > 9m	100m ³	147,2889		
2	Vận chuyển đất, cát đổ đi bằng tàu kéo 360CV, sà lan 400 tấn.	100m ³	147,2889		
3	Hút phun hỗn hợp bùn , đất từ sà lan lên bãi đổ thải bằng tàu hút 585CV,	100m ³	147,2889		
II	Chi phí khác				
4	Bãi chứa vật liệu nạo vét	TB	01		
5	Thỏa thuận vị trí đổ thải	TB	01		
6	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và quan trắc môi trường trong quá trình thi công	TB	01		
7	Phương án bảo đảm giao thông thủy, phương án bảo đảm an toàn hàng hải	TB	01		
8	Lập trạm AIS giám sát quá trình vận chuyển và phun hút bùn cát lên bãi chứa	TB	01		
	Tổng cộng (I)+(II) giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))				

Lưu ý: Nhà thầu phải đảm bảo chuẩn tắc thiết kế, cao độ nạo vét: -11.70m (Hải đồ).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:
[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...
2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II ⁽²⁾			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		

4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSMT. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì HSDT bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu trong HSDT

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSDT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

[illegible]

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu						Thỏa thuận
Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

- ☐ Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh

thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ⁽¹⁾

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng)^(*) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 09c Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{NLTC = TNL - ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 09c).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp trong HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 09c.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(*) Hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức còn được sử dụng) là tổng hạn mức tín dụng còn lại trong tất cả Hợp đồng tín dụng mà Nhà thầu được phép sử dụng.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) ⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) ⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSDT.

BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT⁽¹⁾

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Chương II.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSDT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

Stt	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

Stt	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nạo vét duy tu khu nước trước Bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân	Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	01 tháng	03 tháng	

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điền theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

Part 2. REQUIREMENTS FOR CONSTRUCTION

Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

Chapter IV. REQUIREMENTS FOR CONSTRUCTION

I. Giới thiệu về gói thầu/ Introduction to the Bid package

1. Phạm vi công việc của gói thầu/ Scope of works

- Tên gói thầu: Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến/ *Package name: Maintenance dredging of the water areas in front of the berths*
- Công trình: Nạo vét duy tu khu nước trước Bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân/ *Project: Maintenance dredging of the water areas in front of berths # 2, 3, 4 - Cái Lân Port*
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của Công ty/ *Funding source: Operating capital of the company*
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông hàng hải./ *Type and Grade of Project: Maritime transportation infrastructure project*
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân/ *Owner: Cai Lan International Container Terminal LLC*
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước./ *Bidder selection method: Domestic open bidding*
- Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ/ *Bidding method: single stage, single – envelope procedure*
- Địa điểm xây dựng: Bến 2, 3, 4 Cảng Cái Lân, số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh/ *Construction place: Berths # 2,3,4 Cai Lan Port, No. 1 Cai Lan Street, Bai Chay Ward, Ha Long City, Quang Ninh*

2. Quy mô công trình/ Project scale:

2.1. Mục tiêu/ Objective

Nạo vét duy tu khu nước bến số 2, 3, 4 cảng Cái Lân đảm bảo tàu thuyền ra vào bến số 2, số 3, số 4 cảng Cái Lân, đáp ứng sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân./ *To perform maintenance dredging of the water area in front of Berths # 2, 3, and 4 at Cai Lan Port, ensuring safe access for ships to the berths and supporting the production and business activities of Cai Lan International Container Terminal LLC.*

2.2. Quy mô công trình/ Project scale

a) Quy mô khu nước trước bến số 2/ Scale of water area in front of berth #2

Khu nước trước bến số 2 có các thông số kỹ thuật của như sau/ *The water area in front of Berth # 2 has the following technical specifications:*

- Chiều dài khu nước/ *Length of the water area*: $L_{kn} = 155.8$ m
- Chiều rộng khu nước/ *Width of the water area*: $B_{kn} = 50,1$ m
- Cao độ khu nước/ *Elevation of the water area*: $CĐKN = -10,0$ m (hệ cao độ Hải đồ/ *Sea elevation system*)

Bảng 1. Tọa độ các điểm khống chế khu nước trước bến số 2/

Table 1. Coordinates of control points in the water area in front of berth# 2

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
I	20°58'46.2"	107°02'50.1"	20°58'42.6"	107°02'56.9"
II	20°58'47.4"	107°02'51.3"	20°58'43.8"	107°02'58.1"
V	20°58'43.9"	107°02'55.2"	20°58'40.3"	107°03'02.0"
VI	20°58'42.7"	107°02'54.0"	20°58'39.1"	107°03'00.8"

b) Quy mô khu nước trước bến số 3/ Scale of water area in front of berth #3

Khu nước trước bến số 3 có các thông số kỹ thuật của như sau/ *The water area in front of Berth # 3 has the following technical specifications:*

- Chiều dài khu nước/ *Length of the water area*: $L_{kn} = 200$ m
- Chiều rộng khu nước/ *Width of the water area*: $B_{kn} = 50,1$ m
- Cao độ khu nước/ *Elevation of the water area*: $CĐKN = -10,4$ m (hệ cao độ Hải đồ/ *sea elevation system*)

Bảng 2. Tọa độ các điểm khống chế khu nước trước bến số 3/ Table 2. Coordinates of control points in the water area in front of berth# 3

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
V	20°58'43.9"	107°02'55.2"	20°58'40.3"	107°03'02.0"
VI	20°58'42.7"	107°02'54.0"	20°58'39.1"	107°03'00.8"
A	20°58'38.2"	107°02'59.0"	20°58'34.6"	107°03'05.8"
B	20°58'39.4"	107°03'00.2"	20°58'35.8"	107°03'07.0"

c) Quy mô khu nước trước bến số 4/ *Scale of water area in front of berth #4*

Khu nước trước bến số 4 có các thông số kỹ thuật của như sau/ *The water area in front of Berth # 4 has the following technical specifications:*

- Chiều dài khu nước/ *Length of the water area:* $L_{kn} = 200 \text{ m}$
- Chiều rộng khu nước/ *Width of the water area:* $B_{kn} = 50,1 \text{ m}$
- Cao độ khu nước/ *Elevation of the water area:* $CDKN = -10,4 \text{ m}$ (hệ cao độ Hải đồ/ *sea elevation system*)

Bảng 3. Tọa độ các điểm khống chế khu nước trước bến số 4/ *Table 3. Coordinates of control points in the water area in front of berth# 4*

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A	20°58'38.2"	107°02'59.0"	20°58'34.6"	107°03'05.8"
B	20°58'39.4"	107°03'00.2"	20°58'35.8"	107°03'07.0"
C	20°58'35.0"	107°03'05.1"	20°58'31.4"	107°03'11.9"
D	20°58'33.8"	107°03'03.9"	20°58'30.2"	107°03'10.7"

d) Giải pháp thiết kế nạo vét/ *Dredging design solutions*

Theo hồ sơ thiết kế BVTC, cao độ khu nước trước bến đáp ứng cho tàu 50.000 DWT ra vào bến là -13,0m (hệ cao độ Hải đồ).

Để phù hợp với hiện trạng tuyến luồng hàng hải vào khu vực bến 2,3,4 cảng Cái Lân, tình trạng bồi lắng tại khu nước trước bến đảm bảo cho tàu 50.000 DWT giảm tải hoặc lợi dụng mực nước để ra vào bến, lựa chọn cao độ nạo vét khu nước trước bến của bến 2,3 &4 là: -11,7 m (hệ cao độ Hải đồ).

Đối khu vực gầm bến, mái dốc nạo vét sẽ là mái đổ tự nhiên khi tiến hành nạo vét;

Đối khu vực phía bên ngoài gầm bến, mái dốc nạo vét $m = 7$

According to the construction drawings document, the water level in front

of the berths must accommodate 50,000 DWT ships entering and exiting the area at a depth of -13.0 meters (Sea elevation system).

To maintain consistency with the current condition of the maritime channel leading to berths # 2, 3, and 4 at Cai Lan Port, it is important to address the sedimentation issue in the water area in front of these berths. This will ensure that ships with a capacity of 50,000 DWT can either reduce their load or take advantage of the water level to safely enter and exit the berth. The proposed dredging elevation for the water area in front of berths # 2, 3, and 4 is set at -11.7m according to the Sea elevation system.

In the area under the berth, the dredging slope will be the natural slope during the dredging process.

In the area outside the berth, the dredging slope will be: $m = 7$.

e) Khối lượng nạo vét/ Dredged volume:

Trên cơ sở bình đồ địa hình khu nước, xác định phạm vi cần nạo vét và bố trí các mặt cắt nạo vét theo phương vuông góc với tuyến mép bến. Khối lượng nạo vét được tính toán theo công thức/ Based on the topographic map of the water area, identify the sections that require dredging and arrange these sections to be perpendicular to the edge of the berth. The volume of dredged material will be calculated using the appropriate formula:

$$V = \sum_{i=0}^{i=n} \frac{S_{i-1} + S_i}{2} * L_i$$

Trong đó/ In which:

S_{i-1} : Là diện tích mặt cắt nạo vét trước/ *the basic dredged cross-sectional area (m²).*

S_i : Là diện tích mặt cắt nạo vét sau/ *the adjacent dredged cross-sectional area (m²).*

L_i : Là khoảng cách giữa các mặt cắt nạo vét liền nhau/ *the distance between adjacent dredged sections (S_i & S_{i-1}) (m).*

Khối lượng nạo vét thực tế có kể thêm sai số nạo vét của thiết bị và sa bồi trong thi công. Theo tiêu chuẩn cơ sở công tác nạo vét thi công và nghiệm thu TCCS 02:2015/CHHVN, sai số theo chiều sâu 0,3 m, sai số về chiều rộng là 2,0m./ The actual dredged volume includes dredging errors of equipment and sedimentation during construction. According to basic standards for dredging construction and acceptance TCCS 02:2015/CHHVN, the error in depth is 0.3 m, the error in width is 2.0 m.

Căn cứ bình đồ khảo sát địa hình do Chủ đầu tư cung cấp và thông số khu nước neo đậu trước bến, khối lượng nạo vét tạm tính là **14.728,89 m³**. / *Based on the topographic survey map provided by the Owner and the specifications of the anchoring waters in front of the berths, the estimated dredging volume is 14,728.89 m³.*

Sau khi thi công sẽ căn cứ vào số liệu thực tế để hoàn công mái taluy và khối lượng nạo vét./ *Upon completion of the dredging works, the actual data will be used to finalize the slope profile and the dredging volume.*

f) Vị trí bãi đổ/ Dumping place:

Dự kiến nhà thầu sẽ chọn 01 trong các vị trí bãi đổ của UBND tỉnh Quảng Ninh giới thiệu theo công văn số 721/QĐ-UBND ngày 21/3/2023. Hoặc, nhà thầu tự lựa chọn vị trí bãi đổ hợp pháp khác do chính nhà thầu bố trí.

The contractor is expected to select one of the dumping places introduced by the People's Committee of Quảng Ninh Province under Decision No. 721/QĐ-UBND dated March 21, 2023. Alternatively, the contractor may independently arrange for another legally approved dumping place.

3. Thời hạn hoàn thành: 03 tháng/ Completion time: 03 months

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện/ Requirements for project progress

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng, nghiệm thu đưa vào sử dụng là 03 tháng./ *The required time from the start of construction to the completion of the contract, inspection, and commissioning is 03 months.*

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật/ Technical requirements/ technical instructions

1. Yêu cầu chung/ General requirements

Yêu cầu chung bao gồm nhưng không giới hạn trong các công việc mà Nhà thầu cần phải thực hiện như sau/ *The general requirements include, but are not limited to, the following tasks that the contractor must perform:*

- Nhà thầu phải thi công, hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các qui trình, qui phạm được qui định trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát của Chủ đầu tư/ *The contractor must execute, complete the project, and rectify any defects according to the design specifications. The contractor must follow the procedures and*

regulations outlined in the design documents, the bidding documents, as well as in accordance with the specific conditions of the project and the guidance provided by the project supervisor appointed by the owner.

- Nhà thầu làm đầu mối, thay mặt Chủ đầu tư chuẩn bị, lập các văn bản xin phép về vị trí bãi đổ, tiến hành nạo vét, đổ chất nạo vét trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, cấp phép nhằm tuân thủ theo đúng các qui định pháp luật (các chi phí này Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện. Trường hợp Chủ đầu tư đứng ra thanh toán các chi phí này, Chủ đầu tư sẽ căn trừ vào quyết toán sau cùng cho Nhà thầu)/ *The contractor will act as the intermediary on behalf of the owner, preparing and submitting requests for approval regarding the dumping place, dredging activities, and disposal of dredged materials to the competent authorities for review and permission. The contractor is responsible for covering these costs. If the owner pays for these costs, the expenses will be deducted from the final settlement with the contractor.*

- Nhà thầu phải thực hiện tất cả các **công việc chuẩn bị bên dưới** để có thể bắt đầu triển khai thi công ngay khi bàn giao mặt bằng và có yêu cầu của Chủ đầu tư/ *The contractor must perform all of the following preparatory tasks to ensure the project can begin immediately upon handover of the site and when instructed by the owner:*

- Phải có bảng niêm yết tại công trường trong suốt quá trình thi công. Bảng niêm yết thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện theo quy định tại Nghị định 57/2024/NĐ-CP/ *Display a project signboard at the construction site throughout the construction process. The signboard should include information such as the approving agency, investor, contractor, supervising consultant, construction unit, project scale, construction progress, start and completion dates, funding source, and project implementation method, as stipulated by Decree 57/2024/ND-CP.*
- Phối hợp với đơn vị TVGS hoàn thành biện pháp thi công chi tiết để trình đại diện Chủ đầu tư chấp thuận/ *Coordinate with the supervising consultant to complete the detailed construction methods and submit them to the owner's representative for approval.*
- Lập, trình nộp phương án bảo đảm an toàn hàng hải, an toàn giao thông trong quá trình thi công nạo vét để đại diện Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thi công/ *Prepare*

and submit a maritime safety and traffic safety plan during the dredging process to the owner's representative, who will present it to the competent authority for approval before construction begins.

- Kiểm tra và soát lại khối lượng trước khi thi công để có biện pháp thi công, bố trí phương tiện, thi bị thi công hiệu quả nhằm thi công công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra/ *Verify and review the quantities before commencing the works to ensure proper construction methods, and the effective allocation of machinery and equipment to achieve the desired quality and progress.*
- Thiết kế các tuyến, dải thi công của các phương tiện phù hợp, đảm bảo hiệu quả thi công/ *Design suitable construction routes and equipment deployment areas to ensure efficient execution of the project.*
- Thiết lập thước đo kiểm tra mực nước cần phải gia cố chắc chắn, gần khu vực thi công công trình/ *Establish a reliable water level measurement system near the construction area to ensure that the necessary water levels are monitored and maintained.*

2. Công tác thi công nạo vét/ *Dredging works execution*

- Tập trung đầy đủ phương tiện, thiết bị phục vụ thi công. Các phương tiện thiết bị phải ở trong tình trạng hoạt động tốt/ *Ensure the full availability of machinery and equipment required for the dredging operations. The equipment must be in good working condition.*

- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Nghị định 57/2024/NĐ-CP/ *Comply with all relevant regulations outlined in Decree 57/2024/ND-CP.*

- Tuân thủ theo biện pháp thi công chi tiết đã được Chủ đầu tư chấp thuận. Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.../ *Follow the detailed construction methods that have been approved by the investor. Ensure compliance with safety standards, environmental hygiene, and fire prevention measures*

- Chất nạo vét phải được đổ đúng nơi quy định được cơ quan chức năng cho phép. Các phát sinh do thay đổi vị trí đổ chất nạo vét trong quá trình thi công và các phát sinh khác không thuộc hợp đồng hay không được chủ đầu tư chấp thuận, các thủ tục pháp lý khác liên quan phải do nhà thầu thi công tự chịu trách nhiệm, tự thực hiện (nếu không có ghi chú gì khác)/ *Dredged material must be disposed of at the designated locations authorized by the competent authorities. Any changes to the disposal site during construction, or any other issues not covered by the contract or not approved by the investor, as well as any related legal procedures, will be the responsibility of the contractor to manage and execute (unless otherwise noted).*

3. Phương tiện, biện pháp thi công nạo vét/ *Dredging equipment and execution methods*

a. Cơ sở lựa chọn phương tiện và biện pháp thi công/ *Basis for selection of dredging equipment and methods*

- Căn cứ kết quả khảo sát địa chất đặc biệt là địa chất đáy khu nước sa bồi và đã được nạo vét duy tu trước đây, cũng như cao độ tự nhiên khu vực nạo vét khu nước, nhà thầu thi công chủ động lựa chọn phương tiện, thiết bị có công suất/trọng tải đáp ứng yêu cầu của HSMT để thi công công trình theo tiến độ công trình yêu cầu/ *Based on the results of the geological survey, especially the sedimentary geology of the waterbed area, which has previously undergone maintenance dredging, and the natural elevation of the dredging area, the contractor is responsible for selecting equipment and machinery with the required capacity/load to meet the tender specifications for completing the project within the stipulated timeline.*

- Thiết bị thi công cần có tính cơ động cao, năng suất cao, đảm bảo vừa có thể thi công nhanh và ít gây ảnh hưởng đến việc hành thủy của các phương tiện khác khi nạo vét đồng thời có điều kiện giảm giá thành xây dựng/ *The equipment must be highly mobile, efficient, and capable of performing dredging work quickly while minimizing the impact on other vessels operating in the area. This also helps in reducing construction costs.*

- Thi công phải đảm bảo đúng các quy định về công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... và không gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực nạo vét/ *The dredging operation must comply with safety regulations, fire prevention standards, and environmental protection measures. It must also avoid causing any adverse impact on the dredging area's environment.*

b. Biện pháp thi công nạo vét/ *Dredging execution method*

- Đề xuất lựa chọn phương tiện thi công nạo vét là: sử dụng tàu hút búng hoặc máy đào gầu dây bấc lên sà lan vận chuyển đi đổ hoặc phương án khả thi khác. Sử dụng hệ thống bơm bùn từ sà lan lên bãi đổ thải thông qua đường ống dẫn/ *The proposed dredging equipment includes using a hopper dredger or cable-operated bucket dredger, which loads material onto a barge for transport and disposal. A slurry pumping system will be used to pump the dredged material from the barge to the disposal site through pipelines.*

- Hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định tại Nghị định 57/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, trật tự an toàn giao thông thủy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông và không ảnh hưởng

đến kết cấu hạ tầng hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và các công trình khác/ *Dredging operations must comply with the regulations in Decree 57/2024/ND-CP and other relevant legal provisions to ensure maritime safety, maritime security, water traffic order, pollution prevention, community safety, and the protection of embankments, irrigation works, and disaster prevention. The operation must not affect the riverbank, infrastructure, inland waterways, or other facilities.*

- Khi độ dày chất nạo vét tại khu vực nạo vét lớn hơn độ dày lớn nhất mà gầu ngoạm một lần hạ gầu hay cần hút thì cần phải phân lớp thi công. Độ dày phân lớp được quyết định bởi chiều dày một lần nạo vét của gầu ngoạm, trọng lượng gầu, độ mở của gầu và địa chất đáy/ *If the dredged material exceeds the maximum bucket depth or suction depth, it will be necessary to perform layered dredging. The thickness of each layer is determined by the bucket's dredging depth, the bucket's weight, the bucket's opening angle, and the seabed geology;*

- Phạm vi thi công, cao độ, mái dốc, sai số, các giai đoạn, thiết bị thi công nạo vét phải tuân thủ theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công/ *The scope of work, elevation, slope, tolerances, phases, and dredging equipment must adhere to the project design drawings.*

- Do đặc điểm thi công nằm trong phạm vi khu nước vào cảng nên vừa thi công nạo vét vừa khai thác, cần chú ý và thực hiện theo phương án bảo đảm an toàn hàng hải, bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công được phê duyệt, tránh xảy ra tai nạn, hạn chế cản trở cho các tàu thuyền qua lại ở khu vực. Đơn vị thi công phải thường xuyên liên lạc với Cảng vụ hàng hải và các đơn vị khai thác luồng, nắm bắt lịch tàu ra vào để có kế hoạch chủ động triển khai thi công và phải thực hiện đầy đủ những quy định của Nhà nước./ *Due to the nature of the dredging work being carried out in the port water area, both dredging and port operations will take place simultaneously. It is crucial to follow the maritime safety and traffic safety measures as approved, to avoid accidents and minimize disruption to vessels navigating through the area. The contractor must maintain regular communication with the Maritime Administration and other relevant authorities, ensuring awareness of vessel schedules for efficient planning and timely execution. The contractor must also fully comply with national regulations.*

- Các phương tiện tham gia thi công tại đây đều có đầy đủ các giấy phép theo quy định và được trang bị đầy đủ các thiết bị thông tin liên lạc, máy VHF thường trực với thời gian 24/24 giờ trong ngày, hệ thống giám sát nạo vét theo quy định như: Thiết bị AIS, thiết bị ghi hình, các thiết bị khác như: đèn hiệu, xuồng cứu sinh, phao cứu sinh, thiết bị phòng chống cháy nổ...đều được trang bị đầy đủ/ *All equipment involved in the project must have the necessary permits in accordance with regulations and must be equipped with communication devices.*

These include VHF radios operating 24 hours a day, AIS systems, video surveillance equipment, and safety gear such as beacons, life rafts, life buoys, firefighting equipment, and other required devices.

- Hệ thống giám sát nạo vét được lắp đặt, bảo quản chống nước và độ ẩm cao. Nguồn điện cung cấp cho hệ thống giám sát nạo vét hoạt động phải đảm bảo liên tục và ổn định (24/24h)/ *The dredging monitoring system must be installed and protected from water and high humidity. The power supply for the dredging monitoring system must be continuous and stable (24/24h).*

- Trong quá trình thi công, nhà thầu cần tăng cường cảnh giới, thông tin liên lạc với các phương tiện hàng hải trên luồng để đảm bảo an toàn hàng hải, tránh gây va chạm, sự cố đối với các phương tiện khác/ *During dredging operations, the contractor is responsible for enhancing vigilance and communication with maritime traffic to ensure safety, preventing collisions or incidents with other vessels.*

- Hệ thống giám sát nạo vét phải được lắp đặt tại vị trí phù hợp, cố định trên phương tiện thi công, thuận lợi cho việc khai thác, giám sát, ghi nhận lại hình ảnh trong quá trình thi công, vận chuyển chất nạo vét, không xảy ra hiện tượng di dời, tháo lắp, thay đổi vị trí trong toàn bộ quá trình nạo vét/ *The dredging monitoring system must be installed in a suitable, fixed position on the construction equipment, ensuring ease of operation, monitoring, and capturing images throughout the dredging and dredged material transportation processes. The system must remain securely in place without being moved, disassembled, or relocated during the entire dredging operation.*

- Các phương tiện thi công ban đêm phải bố trí đèn báo theo quy định/ *Night-time working equipment must be equipped with warning lights as required by regulations*

- Nếu thiết lập phao báo hiệu hàng hải phục vụ quá trình thi công, Nhà thầu thi công phải tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu hàng hải QCVN 20:2015/BGTVT/ *If maritime signal buoys are set up to assist in the dredging operation, the contractor must comply with the national maritime signaling standards, specifically QCVN 20:2015/BGTVT.*

- Trước khi tiến hành bàn giao đưa công trình vào sử dụng phải tiến hành đo đạc nghiệm thu. Các thông số của khu vực nạo vét phải thỏa mãn theo hồ sơ thiết kế, nếu không đạt Nhà thầu phải tiến nạo vét lại, chi phí thực hiện công tác nạo vét lại do Nhà thầu chịu/ *Before handing over the project for use, a final survey must be conducted. The dredging area's measurements must meet the design specifications; if the required standards are not met, the contractor must re-dredge the area. The costs for this additional dredging work will be borne by the contractor.*

c. Công tác nghiệm thu/ *Acceptance work*

- Việc nghiệm thu kỹ thuật, khối lượng những công tác đã thực hiện phải có sự tham gia của các bên liên quan: Đại diện Chủ đầu tư, TVGS, TVTK và nhà thầu thi công/ *The technical acceptance and the volume of completed tasks must involve the relevant parties: the Owner's representative, the Supervision Consultant (TVGS), the Design Consultant (TVTK), and the contractor.*

- Phương pháp, hệ thống mốc trắc địa khảo sát nghiệm thu phải tương xứng với mạng lưới đo đạc ban đầu/ *The method and system of survey benchmarks for acceptance must correspond to the initial survey network.*

- Phạm vi khảo sát phải bao trùm toàn bộ mái dốc và phạm vi thi công của nhà thầu/ *The survey area must cover the entire slope and the contractor's construction scope.*

- Công tác nạo vét được đánh giá là đạt chuẩn tắc thiết kế khi độ sâu và mái dốc trong phạm vi khu nước đạt theo chuẩn tắc thiết kế đã được phê duyệt/ *The dredging work will be considered in compliance with the design standards when the depth and slope within the dredging area meet the approved design standards.*

- Khối lượng nạo vét sẽ được xác định dựa trên kết quả bàn giao trước khi thi công và kết quả đo đạc bình đồ, độ sâu sau khi thi công. Khối lượng nạo vét chỉ làm cơ sở để báo cáo, khối lượng nạo vét này không làm cơ sở quyết toán (vì hợp đồng có hình thức thi công trọn gói)/ *The dredging volume will be determined based on the handover results prior to construction and the post-construction survey results (depth and chart). The dredging volume will only serve as the basis for reporting; it will not serve as the basis for final settlement (as the contract is based on a lump-sum payment).*

- Thông báo hàng hải: do Nhà thầu bố trí thực hiện và chịu chi phí này./ *Marine Notification: The contractor will arrange and bear the cost for this.*

- Hồ sơ để nghiệm thu công tác nạo vét cần phải có (không giới hạn)/ *Documents for Dredging Work Acceptance should include (but are not limited to):*

+ Các số liệu khảo sát độ sâu được các bên nghiệm thu/ *Survey depth data, approved by the involved parties.*

+ Nhật ký thi công của phương tiện nạo vét/ *Dredging equipment logbook.*

+ Mặt bằng có vẽ ranh giới khu vực bàn giao và cao độ nạo vét thiết kế, tọa độ các điểm chủ yếu của ranh giới nạo vét/ *A map showing the boundaries of the handover area, the designed dredging depth, and the coordinates of key points of the dredging boundary*

+ Mặt cắt ngang hoàn công thi công nạo vét của khu nước đã hoàn thành,

bảng tính khối lượng nghiệm thu/ *Cross-sectional profiles of the completed dredging work in the water area, along with the volume calculation for acceptance.*

+ Phần mặt cắt, khối lượng chống lấn với phần luồng tàu, vũng quay tàu (nếu có)/ *Sectional profiles and volumes related to encroachment on the shipping channel or turning basin (if applicable).*

+ Thông báo hàng hải/ *Marine notification.*

+ Và các hồ sơ khác theo quy định pháp luật và hợp đồng thi công đã ký kết với đại diện Chủ đầu tư/ *And other documents as required by law and the construction contract signed with the representative of the owner.*

Nghiệm thu sau cùng: Kết quả đo đạc bình đồ, độ sâu và thông báo hàng hải sau khi thi công mà nó phù hợp với thiết kế thi công sẽ là cơ sở để hai bên ra Biên bản nghiệm thu cuối cùng và đưa công trình vào sử dụng/ *Final acceptance: The results of the survey map, depth measurements, and marine notification after construction, which align with the approved design, will serve as the basis for both parties to issue the final acceptance report and hand over the project for use.*

IV. Các bản vẽ/ *Drawings*

Chi tiết xem “Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật - Tập 2. Bản vẽ” kèm theo HSMT./ *Details as per the “Economic-Technical Report – Volume 2. Drawings” attached to the Invitation to tender document.*

[Below is the form of contract document, Form of Guarantee for contract performance in Vietnamese for ref.]

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Quảng Ninh, ngày ____ tháng ____ năm 2024

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến

Thuộc dự án: Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH13 ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày 11/2024 của Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân về việc phê duyệt báo cáo KTKT công trình Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân;

Căn cứ Quyết định số ____ ngày /2024 của Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân;

Căn cứ Quyết định số 02/2024/QĐ-CICT ngày /2024 của Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến thuộc công trình Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân;

Căn cứ Quyết định số /2024/QĐ-CICT ngày /2024 của Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói

thầu: Thi công nạo vét duy tu khu nước trước bến thuộc công trình Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân;

Các văn bản liên quan khác.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại văn phòng Công ty cổ phần đóng tàu và dịch vụ đầu khí Vũng Tàu, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **Công ty TNHH Cảng công-ten-nơ quốc tế Cái Lân (CICT)**

Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 02033 896 000

Mã số thuế: 5700884515

Tài khoản: 0521.000.366.388 tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam Hạ Long

Đại diện là ông

Chức vụ:

2. Nhà thầu⁽³⁾ (sau đây gọi là bên B)

Tên Nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công công trình Nạo vét, duy tu khu nước trước bến 2, 3, 4 - Cảng Cái Lân theo đúng thiết kế được duyệt và các tài liệu có liên quan.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng;
2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
3. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
4. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;
5. HSDT của Nhà thầu;
6. HSMT
7. Thông số kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật;
8. Hồ sơ thiết kế;
9. Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu;
10. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công nạo vét

3.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công nạo vét

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công nạo vét quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công (bao gồm giám sát thông qua Hệ thống giám sát tự động – AIS) của mình.

b) Đảm bảo các phương tiện, thiết bị đưa vào thực hiện công việc phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường và có chứng chỉ kiểm định kèm theo. Mua bảo hiểm con người, phương tiện, thiết bị thi công của bên B theo quy định hiện hành.

c) Thiết lập các quy trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho bên A, Tư vấn giám sát thi công đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực

tế của công việc một cách độc lập.

d) Luôn thực hiện công việc thi công đảm bảo an toàn, các quy định về bảo vệ môi trường và đồ sản phẩm nào vét đúng nơi quy định đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt (nếu có) trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

đ) Bên B phải thi công đúng phạm vi dự án, không lợi dụng hoặc để bên thứ 3 lợi dụng khai thác trái phép đất, cát lòng sông. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra việc khai thác trái phép đất, cát lòng sông trong khu vực dự án.

e) Các vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào thi công, vận hành công trình phải được kiểm tra, thí nghiệm, kiểm định theo đúng các quy định hiện hành.

3.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát

a) Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát dự án được quyền vào các nơi trên công trường của Nhà thầu để kiểm tra;

b) Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát dự án để tiến hành các hoạt động kiểm tra, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.

3.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát dự án chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 3.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

c) Nghiệm thu phải tuân thủ theo các bước sau:

- Nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn (nếu có) sẽ được đưa vào sử dụng trong công trình.

- Nghiệm thu từng hạng mục công việc của công trình;
- Nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công;
- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng;

d) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư;
- Đại diện Nhà thầu;
- Đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình;
- Đại diện chính quyền địa phương (nếu có).

đ) Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu của Nhà thầu (Gửi cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát trước khi tiến hành nghiệm thu 05 ngày);

- Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng của công trình được ký giữa các bên;
- Các biên bản kiểm tra điều kiện thi công như biên bản kiểm tra phương tiện, thiết bị thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa, bảo vệ môi trường (tuân thủ các tiêu chí đã được công bố tại báo cáo ĐTM được duyệt và các quy định môi trường có liên quan (nếu có)) ... do các cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành (Theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do 02 bên thống nhất trên cơ sở quy định của nhà nước);

- Các số liệu đo sâu (băng đo sâu), nhật ký khảo sát dưới nước, nhật ký thi công;

- Mặt bằng nạo vét (bình đồ nghiệm thu) có vẽ ranh giới khu vực nạo vét, tọa độ các điểm khống chế chủ yếu của khu vực nạo vét;

- Các mặt cắt ngang thi công đã hoàn thành;
- Các biên bản nghiệm thu từng phần, hệ thống tiêu mốc...;

- Các biên bản nghiệm thu hệ thống giám sát tự động trong đó có hoạt động của các thiết bị phát tín hiệu và thiết bị ghi hình lắp trên phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển đồ chất nạo vét thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công;

- Nhật ký thi công, hợp đồng thuê thiết bị (nếu có);
- Bình đồ độ sâu sau khi nạo vét;

- Thông báo hàng hải sau khi kết thúc thi công nạo vét.
- Các tài liệu khác đầy đủ theo quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng và quản lý hoạt động nạo vét hiện hành.
- e) Số lượng hồ sơ nghiệm thu: Nhà thầu phải chuyển cho Chủ đầu tư 07 (bảy) bộ hồ sơ gốc.

3.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

- Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thiện thi công công trình, thu dọn hiện trường, lập bản vẽ hoàn công và chuẩn bị các tài liệu để phục vụ nghiệm thu và bàn giao công trình.

- Công tác nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện thành phần nghiệm thu theo quy định tại điểm c Khoản 3.3 Hợp đồng này và các bên liên quan ký xác nhận.

- Điều kiện để nghiệm thu hoàn thành công trình: Công trình chỉ được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế thi công (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ mời thầu (HSMT) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định của pháp luật có liên quan;

+ Các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; đồng thời công tác thi công, đổ chất nạo vét phải đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Có đầy đủ hồ sơ nghiệm thu đáp ứng yêu cầu nêu tại mục d khoản 3.3 Điều này.

3.5. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng này.

- Nhà thầu làm đầu mối, thay mặt Chủ đầu tư chuẩn bị, lập các văn bản xin phép về vị trí bãi đổ, tiến hành nạo vét, đổ chất nạo vét trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, cấp phép nhằm tuân thủ theo đúng các qui định pháp luật (các chi phí này Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện. Trường hợp Chủ đầu tư đứng ra thanh toán các chi phí này, Chủ đầu tư sẽ căn trừ vào quyết toán sau cùng cho Nhà thầu).

- Nhà thầu làm đầu mối, thay mặt Chủ đầu tư chuẩn bị, lập các văn bản xin phép về báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường trong quá trình thi công.

- Các thuế, phí phát sinh sau (nếu có) sẽ do Nhà thầu chịu:

- Phí bảo vệ môi trường
- Thuế tài nguyên
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
- Và các loại thuế, phí khác có liên quan

- Thỏa thuận vị trí đổ thải theo đúng loại, đúng vị trí xác định trong HSDT hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM);

- Thi công bảo đảm chất lượng, tiến độ đúng theo hồ sơ thiết kế (chuẩn tắc thiết kế: -11,70m) và chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng;

- Phải lập biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công chi tiết, phương án bảo đảm an toàn hàng hải và phương án bảo đảm an toàn giao thông sau 07 ngày kể

từ ngày ký Hợp đồng trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi bàn giao mặt bằng, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng;

- Thi công nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đi đổ tuân thủ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu/khuyến cáo của cơ quan có thẩm quyền/ đơn vị tư vấn về việc đảm bảo môi trường trong quá trình thi công;
- Chịu trách nhiệm bồi hoàn tất cả những tổn thất, thiệt hại về tài sản của Chủ đầu tư hoặc và của Bên thứ ba do sự bất cẩn hoặc lỗi của Nhà thầu xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Hợp tác trong công việc đối với: Nhân sự của Chủ đầu tư, tư vấn giám sát thi công và các đơn vị liên quan do Chủ đầu tư thuê.
- Phối hợp với Chủ đầu tư, làm việc với cơ quan có thẩm quyền để cấp phép thi công, ra thông báo hàng hải cho phương tiện và huy động máy móc thiết bị đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành;
- Phương tiện và thiết bị tham gia thi công phải trong thời hạn đăng kiểm, đăng ký và có đầy đủ hệ thống tín hiệu, báo hiệu theo quy định hiện hành.
- Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh đúng các Điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu, kế hoạch tổ chức nghiệm thu và thông báo cho Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành.
- Thực hiện thi công đảm bảo tuân thủ theo Chỉ dẫn kỹ thuật, theo quy định của Hợp đồng.
- Trang bị các thiết bị cảnh báo đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành.
- Thi công và đảm bảo thực hiện hoàn thành công trình phù hợp theo Hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện vận chuyển và đổ vật liệu nạo vét đúng vị trí được cấp phép, tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
- Cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ hồ sơ để thực hiện thủ tục thi công (phương án đảm bảo an toàn hàng hải, phương án đảm bảo an toàn giao thông, hồ sơ cấp phép phương tiện thi công, xác nhận hoạt động thiết bị giám sát nạo vét, hồ sơ bãi đổ/bãi chứa vật liệu nạo vét, ...) trước khi triển khai thi công.
- Có trách nhiệm làm thủ tục và chịu các chi phí như điều chỉnh báo hiệu trong khu vực thi công (nếu có), đo đạc nghiệm thu hoàn thành, nghiệm thu giai

đoạn (nếu có), thuê đơn vị có chức năng khảo sát lập bình đồ độ sâu sau khi nạo vét, Thông báo hàng hải sau khi kết thúc thi công nạo vét.

- Trong quá trình thi công nếu có tàu hành hải qua khu vực đang thi công, Nhà thầu phải dừng thi công theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải khu vực và sẽ không được thanh toán kinh phí do tạm dừng thi công.

- Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý người lao động, nhân lực trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình, sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc chưa hoàn thành.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về sự an toàn trong quá trình thi công

- Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hoặc yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian tối đa 03 ngày làm việc. Nếu trong khoảng thời gian này, Nhà thầu không trả lời thì coi như đã chấp thuận đề nghị hoặc yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chịu trách nhiệm giải trình toàn bộ hồ sơ công trình trước cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định.

- Trong khả năng cho phép về phương tiện thiết bị của Nhà thầu, Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ Chủ đầu tư phương tiện di chuyển đường thủy và các phương tiện, thiết bị khác để đảm bảo sự thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành, theo dõi quá trình thi công.

- Nhà thầu phải báo cáo thường xuyên 01 tuần/ lần vào ngày thứ 6 hàng tuần, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng. Báo cáo bao gồm: tiến độ thi công, nhân lực, phương tiện thiết bị thi công, khối lượng thi công, các phát sinh, vướng mắc, đề xuất các biện pháp xử lý (nếu có)

- Nhà thầu cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư làm việc với các cơ quan về thanh tra và kiểm toán công trình. Kết luận của thanh tra, kiểm toán công trình các bên phải chấp hành.

- Được quyền từ chối thực hiện các công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

- Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết

- Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công công trình để thực hiện Hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;
- Thuê tư vấn giúp Chủ đầu tư giám sát theo quy định tại Hợp đồng này;
- Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xét thấy: Nhà thầu không đảm bảo tiến độ công trình thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thuê Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định tham gia thực hiện một phần khối lượng công việc.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công, công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCN trong quá trình thi công. Trường hợp, Nhà thầu thi công không đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCN, Chủ đầu tư có quyền đình chỉ thi công, chấm dứt Hợp đồng.
- Kịp thời giải quyết những khó khăn, trở ngại phát sinh (nếu có) trong quá trình thi công thuộc phạm vi trách nhiệm của Chủ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu thực hiện Hợp đồng.
- Chủ đầu tư có quyền đình chỉ và yêu cầu Nhà thầu thay thế những nhân sự không đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian 05 ngày làm việc bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;
- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;
- Bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu theo hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Cử và thông báo cho Nhà thầu về nhân lực tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng.
- Thông báo cho các đơn vị liên quan về phương tiện đang thi công trên công trường.
- Phối hợp với Nhà thầu trong công tác thi công, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định Hợp đồng.

Điều 6. Giá hợp đồng, điều kiện và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VNĐ

Bằng chữ:

Giá hợp đồng: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Điều kiện và phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng phương thức chuyển khoản, chia thành 03 đợt thanh toán cụ thể như sau:

Đợt 1 (Tạm ứng): Trong vòng **15** ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, bên B có trách nhiệm trình cho bên A bộ hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- **Biên bản thỏa thuận vị trí bãi đổ bùn thải (dùng san lấp) giữa 3 bên: Chủ đầu tư, Nhà thầu và Chủ bãi.**
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (3% giá trị hợp đồng) (theo mẫu của Chủ đầu tư phát hành hoặc mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận).
- Bảo lãnh tiền tạm ứng (100% giá trị tạm ứng) - (theo mẫu của Chủ đầu tư phát hành hoặc mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận).
- Công văn đề nghị tạm ứng.

Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ tạm ứng như trên, bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Tiền tạm ứng được sử dụng, khấu trừ từng đợt theo điều kiện nêu tại Mục 35 Phần 3 Chương III – Điều kiện chung của Hợp đồng.

Đợt 2: Sau khi bên B thực hiện xong thủ tục pháp lý của gói thi công nạo vét, bên A thanh toán cho bên B tiếp 30% giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng **15** ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ chứng từ thanh toán hợp lệ. Chứng từ thanh toán gồm có:

- Toàn bộ hồ sơ pháp lý của gói thi công nạo vét đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm nhưng không hạn chế: Giấy phép đổ bùn thải; Giấy phép môi trường (ĐTM); Giấy phép khoáng sản; Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, Phương án bảo đảm an toàn giao thông thủy;...)
- Công văn đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.

Đợt 3: Sau khi bên B hoàn thiện công tác nạo vét, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên A thanh toán cho bên B toàn bộ số tiền còn lại của hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng **15** ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ chứng từ thanh toán hợp lệ. Chứng từ thanh toán gồm có:

- Thông báo hàng hải toàn bộ khu vực nạo vét (sau khi kết thúc nạo vét).
- Biên bản hoàn thành, giao công trình đưa vào sử dụng.
- Hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan khác theo qui định.
- Biên bản quyết toán hợp đồng.
- Công văn đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.

Điều 7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

8.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng là ngày kể từ hợp đồng có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm các trường hợp bất khả kháng).

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Tạm ngưng /chấm dứt hợp đồng

Nếu một bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thực hiện công việc theo đúng tiến độ hợp đồng, bên kia có quyền ra thông báo tạm ngưng/chấm dứt hợp đồng, thông báo phải nêu rõ vi phạm, yêu cầu khắc phục vi phạm trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, mức bồi thường thiệt hại nếu có theo quy định.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng

Nếu bên B chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì phạt 0,05% giá hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, Nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU⁽⁴⁾**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ** *[ghi tên, chức danh, ký tên
và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp .

(2) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

(3), (4) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.

PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ**PHỤ LỤC 2. THIẾT BỊ VÀ NHÂN SỰ****PHỤ LỤC 3. GIÁ HỢP ĐỒNG**

STT	Mô tả công việc ⁽²⁾	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽³⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ** [ghi tên, chức danh, ký tên
và đóng dấu]

PHỤ LỤC 4. CÁC BIỂU MẪU**Mẫu số 15****BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*
 (sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số _____ *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*